|  |  |
| --- | --- |
| **UBND huyện Tư Nghĩa**  **Trường THCS Nghĩa Phương** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **Môn: KHTN 6** |

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm; gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0,25 điểm (*Nhận biết: 3,0 điểm; Thông hiểu: 0,25 điểm Vận dụng: 0,5 điểm; Vận dụng cao: 0,25 điểm)*

- Phần tự luận: 6,0 điểm; gồm 04 câu hỏi *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,75 điểm; Vận dụng: 1,5 điểm; Vận dụng cao: 0,75 điểm).*

- Nội dung kiến thức học kì 2: *100% (10 điểm)*

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ** **KIỂM TRA CUỐI HK II, KHTN LỚP 6**

| Chủ đề | MỨC ĐỘ | | | | | | | | Tổng số câu | | Điểm số |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |
| TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **Nấm** |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 | 0,25 |
| **Thực vật** |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 0,25 |
| **Động vật** |  |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  | 2 | 0,5 |
| **Đa dạng SH** | 1/2 |  | ½ |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 |
| **Chủ đề 4. Một số nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)** |  |  |  |  |  |  | 1/3 |  | 1/3 |  | 0,25 |
| **Chủ đề 5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết)** |  | 4 | 1/3 |  | 1/3 |  |  |  | 2/3 | 4 | 2,25 |
| **CĐ 9: Lực** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CĐ 10: Năng lượng và cuộc sống.** |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| **CĐ 11: Trái đất và bầu trời.** |  | 6 | 1/2 |  | 1/2 |  | 1 |  | 2 | 6 | 4,5 |
| ***Số câu*** | **1/2** | **12** | **4/3** | **1** | **5/6** | **2** | **4/3** | **1** | **4** | **16** | ***10 điểm*** |
| ***Điểm số*** | ***1,0*** | ***3,0*** | ***2,75*** | ***0,25*** | **1,5** | **0,5** | ***0,75*** | ***0,25*** | ***6*** | ***4*** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | |  | |

# BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK II, KHTN LỚP 6

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TL**  **Số câu (ý)** | **TN**  **(Số câu)** | **TL** | **TN** |
| ***1. Chủ đề: Phân loại thế giới sống*** | | |  |  |  |  |
| ***Nấm*** | ***Nhận biết*** | - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  | 1 |  | C1 |
| **Thực vật** | **Nhận biết** | Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, nêu được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín);  Xây dựng khóa lưỡng phân các nhóm thực vật |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Phân biệt được các nhóm thực vật. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). |  | 1 |  | C2 |
| **Động vật** | **Nhận biết** | Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.  - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.  - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | 1 |  | C3 |
|  | **Vận dụng** | Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  | 1 |  | C4 |
| **Đa dạng sinh học** | **Nhận biết** | Nêu được khái niệm đa dạng sinh học, vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … | 1/2 |  | C17a |  |
| **Thông hiểu** | Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học, phân chia đa dạng sinh học theo các khu vực | 1/2 |  | C17b |  |
| **Vận dụng** | Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học |  |  |  |  |
| *2. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)* | | | | | | |
| **- Một số vật liệu**  **- Một số nhiên liệu**  **- Một số nguyên liệu**  **- Một số lương thực – thực phẩm** | **Nhận biết** | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,...  – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...  – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ...  – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Hiểu về một số tính chất của một số vật liệu thông dụng  – Hiểu về một số tính chất của một số nhiên liệu thông dụng  – Hiểu về một số tính chất của một số nguyên liệu thông dụng  – Hiểu về một số tính chất của một số lương thực thực phẩm |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng.  – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. | 1/3 |  | C18c |  |
| *3. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết)* | | | | | | |
| **- Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch.**  **- Phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp.** | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm hỗn hợp.  – Nêu được khái niệm chất tinh khiết.  – Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch.  – Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. |  | 4 |  | C5, C6, C7, C8 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được dung môi và dung dịch.  – Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.  – Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.  – Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.  – Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. | 1/3 |  | C18a |  |
| **Vận dụng** | – Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi là gì.  – Thực hiện được thí nghiệm để biết dung dịch là gì.  – Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.  – Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.  – Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. | 1/3 |  | C18b |  |
| *4. Chủ đề 9: Lực* | | | | | | |
| **– Biến dạng của lò xo.**  **– Lực ma sát.** | **Nhận biết** | - Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện.  - Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém.  - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi.  - Kể tên được ba loại lực ma sát.  - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ.  - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn.  - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng.  - Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.  - Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát.  - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ.  - Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật.  - Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế.  **-** Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. |  |  |  |  |
| *5. Chủ đề 10: Năng lượng và cuộc sống* | | | | | | |
| **– Khái niệm về năng lượng**  **– Một số dạng năng lượng** | **Nhận biết** | - Chỉ ra được một số hiện tượng trong tự nhiên hay một số ứng dụng khoa học kĩ thuật thể hiện năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.  - Kể tên được một số nhiên liệu thường dùng trong thực tế.  - Kể tên được một số loại năng lượng. |  |  |  |  |
| **Thông hiẻu** | - Nêu được nhiên liệu là vật liệugiải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. Lấy được ví dụ minh họa.  - Phân biệt được các dạng năng lượng.  - Chứng minh được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số vật liệu trong thực tế có khả năng giải phóng năng lượng lớn, nhỏ.  - So sánh và phân tích được vật có năng lượng lớn sẽ có khả năng sinh ra lực tác dụng mạnh lên vật khác. |  |  |  |  |
| **– Sự chuyển hoá năng lượng** | **Nhận biết** | - Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật.  - Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ.  **-** Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. |  | 1 |  | C12 |
| **Vận dụng** | - Vận dụng được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng của định luật trong khoa học kĩ thuật.  - Lấy được ví dụ thực tế về ứng dụng trong kĩ thuật về sự truyền nhiệt và giải thích được. |  |  |  |  |
| **- Năng lượng hao phí**  **– Năng lượng tái tạo**  **– Tiết kiệm năng lượng** | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi.  - Chỉ ra được một số ví dụ về sử dụng năng lượng tái tạo thường dùng trong thực tế. |  | 1 |  | C9 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. Lấy được ví dụ thực tế. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Đề xuất biện pháp và vận dụng thực tế việc sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. |  |  |  |  |
| *6. Chủ đề 11: Trái Đất và bầu trời* | | | | | | |
| **Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời** | **Nhận biết** | - Mô tả được quy luật chuyển động của Mặt Trời hằng ngày quan sát thấy. |  | 3 |  | C10,  C11,  C15 |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được quy luật chuyển động mọc, lặn của Mặt Trời. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Giải thích quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Liên hệ kiến thức vào thực tế cuộc sống. | 1 |  | C20 |  |
| **– Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng** | **Nhận biết** | - Nêu được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  | 1 |  | C16 |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Thiết kế mô hình thực tế bằng vẽ hình, phần mền thông dụng để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  |  |  |  |
| **– Hệ Mặt Trời và Ngân Hà** | **Nhận biết** | - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.  - Nêu được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. |  | 2 |  | C13,  C14 |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. | 1/2 |  | C19a |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được hình ảnh quan sát thấy về sao chổi.  - Giải thích được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. | 1/2 |  | C19b |  |
| **TỔNG SỐ CÂU** | | | 4 | 16 |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT TƯ NGHĨA**  **TRƯỜNG THCS NGHĨA PHƯƠNG** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC: 2022 – 2023**  **Môn: KHTN - Lớp: 6**  **Thời gian: 90 phút *(Không tính thời gian phát đề)*** |

**Phần I: Trắc nghiệm: (4 điểm)**

**Câu 1:** Vòng cuống nấm và bao gốc nấm là đặc điểm có ở loại nấm nào?

**A.** Nấm độc.        **B.** Nấm đơn bào. **C.** Nấm mốc.       **D.** Nấm ăn được.

**Câu 2:** Hành động nào dưới đây góp phần bảo vệ thực vật?

**A.** Du canh du cư  **B.** Trồng cây gây rừng

**C.** Phá rừng làm nương rẫy        **D.** Xây dựng các nhà máy thủy điện

**Câu 3:** Loài chim nào dưới đây thuộc nhóm chim bơi?

**A.** Đà điểu    **B.** Chào mào        **C.** Chim cánh cụt**D.** Đại bàng

**Câu 4:** Động vật ***có*** xương sống bao gồm?

**A.** Thú, chim, ruột khoang, cá, giun.

**B.** Bò sát, lưỡng cư, chân khớp, ruột khoang.

**C.** Ruột khoang, giun, thân mềm, chân khớp.

**D.** Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.

**Câu 5**: Một trong những tính chất nào sau đây cho biết chất lỏng là tinh khiết?

**A.** Không tan trong nước.

**B.** Có vị ngọt, mặn, chua.

**C.** Không màu, không mùi, không vị.

**D.** Khi đun chất sôi ở nhiệt độ nhất định và chất hoá rắn ở nhiệt độ không đổi.

**Câu 6:**Hỗn hợp được tạo ra từ

**A.** nhiều nguyên tử.              **B.** một chất.

**C.** nhiều chất để riêng biệt. **D.** nhiều chất trộn lẫn vào nhau.

**Câu 7:**Hỗn hợp nào sau đây không được xem là dung dịch?

**A.** Hỗn hợp nước muối.            **B.** Hỗn hợp nước đường.

**C.** Hỗn hợp nước và rượu. **D.** Hỗn hợp cát và nước.

**Câu 8:**Khi cho dầu ăn vào nước khuấy đều ta được

**A.** nhũ tương.   **B.** huyền phù. **C.** dung dịch.      **D.** dung môi.

**Câu 9.** Trong các quá trình biến đổi từ động năng sang thế năng và ngược lại, cơ năng

1. luôn được bảo toàn. **B.** luôn tăng thêm.

**C.** luôn bị hao hụt. **D.** tăng giảm liên tục.

Câu 10. Trái Đất có hiện tượng ngày và đêm luân phiên là do

A. Mặt Trời mọc đằng đông, lặn đằng tây.

B. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ tây sang đông.

C. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ đông sang tây.

D. Mặt Trời chuyển động từ đông sang tây.

**Câu 11.** Mặt Trời là một

**A.** vệ tinh. **B.** ngôi sao. **C.** hành tinh.  **D.** sao băng.

**Câu 12.** Dạng năng lượng nào đã chuyển hóa thành điện năng trong một chiếc đồng hồ điện tử chạy bằng pin?

**A.** Cơ năng. **B.** Nhiệt năng. **C.** Hóa năng. **D.** Quang năng.

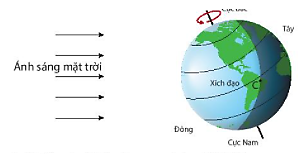
**Câu 13.** Khi nói về hệ Mặt Trời, phát biểu nào sau đây là **sai**?

1. Hành tinh xa Mặt Trời nhất là Thiên Vương tinh.
2. Các hành tinh chuyển động quanh Mặt Trời theo cùng một chiều.
3. Sao chổi là thành viên của hệ Mặt Trời.
4. Hành tinh gần Mặt Trời nhất là Thủy tinh.

**Câu 14.** Một thiên thạch bay vào bầu khí quyển của Trái Đất, bị ma sát mạnh đến nóng sáng và bốc cháy, để lại một vết sáng dài. Vết sáng này được gọi là

**A.** sao băng. **B.** sao chổi. **C.** sao đôi. **D.** sao siêu mới.

**Câu 15.** Người ở vị trí C trong hình, khi ánh sáng Mặt Trời vừa chiếu tới, sẽ quan sát thấy hiện tượng gì?



**A.** Mặt Trời mọc. **B.** Mặt Trời lặn.

**C.** Mặt Trăng khuyết. **D.** Mặt Trăng tròn.

**Câu 16.** Vì sao chúng ta quan sát được Mặt Trăng gần như di chuyển ngang qua bầu trời?

**A.** Trái Đất đứng yên, Mặt Trăng chuyển động xung quanh Trái Đất và tự quay xung quanh nó.

**B.** Trái Đất đứng yên, Mặt Trăng chuyển động xung quanh Mặt Trời và tự quay xung quanh nó.

**C.** Mặt Trời và Mặt Trăng chuyển động xung quanh Trái Đất và tự quay xung quanh nó.

**D.** Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời, Mặt Trăng chuyển động xung quanh Trái Đất và tự quay xung quanh nó.

**Phần II: Tự luận (6,0 điểm)**

**Câu 17:** **(1,5 điểm)**

1. Đa dạng sinh học là gì?
2. Dựa vào điều kiện khí hậu, đa dạng sinh học được phân chia theo các khu vực nào?

**Câu 18: ( 1,5 điểm).**

1. Em hãy lấy 02 ví dụ về hỗn hợp đồng nhất và 01 ví dụ về hỗn hợp không đồng nhất.
2. Xác định chất tan , dung môi trong dung dịch nước muối.
3. Tại sao không nên ăn (uống) thực phẩm hết hạn sử dụng?

**Câu 19.** **(2,5 điểm)**

1. Nêu cấu trúc của hệ Mặt Trời?
2. Mặt Trăng có được xem là hành tinh nhỏ trong hệ Mặt Trời hay không? Tại sao?

**Câu 20. *(0,5 điểm)***

#### Giả sử em bị lạc trong rừng. Nếu em quan sát được Mặt trời và có đồng hồ để xác định thời gian. Em hãy đề xuất phương án xác định phương hướng?

---------Hết----------

**Đáp án:**

**Phần I: Trắc nghiệm (4 điểm): Mỗi câu đúng 0,25đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đ/án** | **A** | **B** | **C** | **D** | **D** | **D** | **D** | **A** | **C** | **B** | **B** | **C** | **A** | **A** | **B** | **D** |

**Phần II: Tự luận: (6 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 17**:  a. Đa dạng sinh học là sự phong phú về số lượng loài, số lượng cá thể trong loài và môi trường sống.  b. Dựa vào điều kiện khí hậu, đa dạng sinh học được phân chia theo các khu vực như: đa dạng sinh học ở hoang mạc, đa dạng sinh học vùng đài nguyên, đa dạng sinh học rừng nhiệt đới, đa dạng sinh học vùng ôn đới, đa dạng sinh học rừng lá kim,…. | **1,0 đ**  **0,5 đ** |
| **Câu 18:**  a. Mỗi ví dụ đúng 0,25 đ  b. Dung môi là nước, chất tan là muối  c. Chúng ta không nên ăn thực phẩm đã hết hạn sử dụng vì: Thực phẩm hết hạn sử dụng có thể bị nhiễm các loại vi khuẩn, nấm mốc . Chúng ta ăn vào có thể dẫn tới các hậu quả nghiêm trong như rối loạn tiêu hóa ( đau bụng, buồn nôn, tiêu chảy), hoặc có thể gây ngộ độc, hoặc gây bệnh . | **0,75 đ**  **0,5 đ**  **0,25 đ** |
| **Câu 19.** **(2,5 điểm)**   1. Nêu cấu trúc của hệ Mặt Trời?  * Hệ Mặt Trời (hay Thái Dương hệ) là một hệ hành tinh có Mặt Trời ở trung tâm và các thiên thể nằm trong phạm vi lực hấp dẫn của Mặt Trời. * Trong hệ Mặt Trời, ngoài Mặt Trời còn có hai nhóm:   + Nhóm một gồm 8 hành tinh và các vệ tinh của chúng.  + Nhóm hai gồm các tiểu hành tinh, sao chổi và các khối bụi thiên thạch.   1. Mặt Trăng có được xem là hành tinh nhỏ trong hệ Mặt Trời hay không? Tại sao?  * Trong hệ Mặt Trời, các hành tinh quay quanh Mặt Trời còn các vệ tinh quay quanh các hành tinh. Mặt Trăng chuyển động quay quanh Trái Đất. Do đó, Mặt Trăng không được xem là hành tinh nhỏ trong hệ Mặt Trời, nó là vệ tinh của Trái Đất. | **0,75 đ**  **0,75 đ**  **1,0 đ** |
| **Câu 20. *(0,5 điểm)*** Dựa vào đồng hồ ta sẽ xác định được lúc đó là buổi sáng hay buổi chiều. Sau đó dựa vào bóng của mình hoặc cây cối trong rừng trên mặt đất ta sẽ xác định được phương hướng. Hướng của bóng cây sẽ là hướng tây nếu lúc đó là buổi sáng và sẽ là hướng đông nếu lúc đó là buổi chiều. | **0,5 đ** |

***(Lưu ý: Mọi cách giải khác đúng đều cho điểm tối đa)***

Nghĩa Phương, ngày 24 tháng 04 năm 2023

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| GVBM | GVBM | GVBM |
| Võ Thị Phụng | Nguyễn Thanh Hưng | Dương Đang Vy |